

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2022/HS-PT

Ngày 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 291/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Vũ T cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 04/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Vũ T; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 14/6/1983 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình R và bà Vũ Thị Bích T (đều còn sống), gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Có vợ là Lê Hoàng Giang M (đã ly hôn) và có 02 con, (con đầu sinh năm 2010, con sau sinh năm 2011); Vợ nuôi con sau ly hôn; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Về nhân thân: Năm 2012, bị TAND quận T, TP. Đà Nẵng xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bản án số 142/2012/HSST ngày 05/11/2012, ra trại ngày 01/9/2016 (đã được xóa án tích).

Ngày 30/3/2021 bị Đoàn Biên phòng H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) chưa thi hành quyết định.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/3/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T1; (Tên gọi khác: K); Sinh ngày: 09/8/1994 tại Quảng Trị; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn Q (chết) và bà Lê Thị T (còn sống), có vợ Trần Thị Y (chưa làm thủ tục ĐKKH), và có 01 con chung sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/3/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Trà M; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 06/10/1997 tại Quảng Bình; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Trà Thị N (đều còn sống); chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Về nhân thân: Năm 2016, bị TAND quận H, TP Đà Nẵng xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 104/HSST ngày 28/9/2016, đã chấp hành xong về phần dân sự và hình phạt (đã được xóa án tích).

Ngày 30/3/2021 bị Đoàn Biên phòng H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) chưa thi hành quyết định.

Bị bắt tạm giữ ngày 28/3/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ T:* Bà Trần Thị Thùy T Luật sư - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T1:* Bà Trần Thị L, Luật sư Công ty Luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ bào chữa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Trà M:* Ông Lê Hữu Phúc, Luật sư Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ bào chữa.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/3/2021, tại cây xăng H số 198 đường T thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm miền T1, Bộ đội Biên phòng, phát hiện Nguyễn Vũ T đang cầm trên tay 01 (một) chiếc vali màu hồng đang đi sang đường hướng đối diện cây xăng để lên xe ô tô BKS: 43A - 409.66 đang chờ sẵn. Tổ công tác yêu cầu dừng lại kiểm tra hành chính và đưa các đối tượng về trụ sở Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để tiến hành kiểm tra và lập biên bản phạm tội quả tang.

* Tang vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Vũ T: 01(một) ĐTDĐ hiệu Iphone 12 màu xanh đen số 0907344443; 01(một) ĐTDĐ hiệu Iphone 7 màu đồng số 0971144443; 01(một) thẻ Visa Ngân hàng Quân đội số 4089041011954963; 01(một) thẻ Visa Ngân hàng Quân đội số 4848030124307641; 01(một) giấy phép lái xe ô tô số 480055481438; 01(một) CMND số 201495468 mang tên Nguyễn Vũ T; 01(một) giấy biên nhận thẻ chấp số THK201858448606/HDTC; 01(một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số 7373050; 01(một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 20080086; 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 20038900; Tiền VND 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm ngàn đồng); 01(một) Va ly màu hồng, kiểm tra chiếc vali, phát hiện bên trong gồm có: 02 (hai) bộ quần áo ngủ nữ; 02(hai) chiếc váy đầm; 02(hai) bộ quần áo khoác nữ và 01(một) quần Jean, 01(một) quần soọc, 02 (hai) áo phông ngắn tay của nam giới (tất cả quần áo đã qua sử dụng);

+ 01(một) gói nilong màu đen, bên trong có hai gói nilong màu vàng in dòng chữ “GUANYINWANG”; bên trong mỗi gói nilong màu vàng in dòng chữ “GUANYINWANG” có một gói nilong trong suốt (một mặt in dòng chữ “AAA” màu xanh, một mặt in số 16 màu xanh); trong mỗi gói nilong trong suốt chứa chất tinh thể rắn màu trắng dạng cục (Nguyễn Vũ T khai nhận là ma túy);

+ 01(một) gói nilong màu tím, bên trong có 02 (hai) viên nén hình trụ tròn màu xanh có chữ WY và 198 (một trăm chín mươi tám) viên nén hình trụ tròn màu hồng có chữ WY (Nguyễn Vũ T khai nhận là ma túy hồng phiến).

Tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 43A- 409.66 và thu giữ gồm: 01(một) gói nilong màu trắng chứa ba viên nén hình trụ màu hồng; 01(một) gói nilong màu trắng, bên trong có hai viên nén hình quả đậu màu hồng; 01(một) gói nilong màu trắng, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng và 01(một) xe ô tô BKS: 43A-409.66.

Thu giữ của Trần Văn T1 gồm: 01(một) vali màu xám, bên trong có 02 (hai) chiếc quần Jean và 02 (hai) áo Jean của nam giới. (quần áo đã qua sử dụng);

01(một) ĐTDĐ Nokia S3 màu trắng xám, Số 0935037954, 0914000526; 01(một) ĐTDĐ Iphone 8 màu đen, số 0935305585;

Thu giữ của Nguyễn Thị Trà M gồm: 01(một) giấy CMND số 194634812 mang tên Nguyễn Thị Trà M; 01(một) ĐTDĐ Iphone 12 có viền màu đồng, số 0931277774;

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Vũ T thu giữ: 01(một) cân điện tử màu trắng, 01(một) CMND tên Nguyễn Vũ T, 04 (bốn) bao nilong chưa sử dụng.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T1 không thu giữ gì.

Ngày 10/01/2022, Cơ quan CSĐT-CATP Đà Nẵng khám xét chỗ ở của Lê Đại H thu giữ: 01(một) hộp giấy có chữ Bạch Linh màu xanh trắng bên trong có: 01(một) hộp quẹt ga, 01(một) ống thủy tinh, 03 (ba) ống nhựa màu đen.

Kết luận giám định số 94/GĐ-MT ngày 01/04/2021 của Phòng KTHS-CATP Đà Nẵng xác định: Tìm thấy 03 (ba) loại ma túy (Methamphetamine, MDMA, Ketamine) trong các mẫu gửi giám định. Cụ thể:

+ Tìm thấy Methamphetamine (mẫu A1) trong 02 (hai) gói nilong tinh thể rắn màu trắng, khối lượng 1.922,93 gam.

+ Tìm thấy Methamphetamine (mẫu A2) trong 01(một) gói nilong chứa các viên nén màu hồng, viên nén màu xanh, khối lượng 21,223 gam.

+ Tìm thấy Methamphetamine (mẫu B1) trong 01(một) gói nilong chứa 03 (ba) viên nén màu hồng, khối lượng 0,315 gam.

+ Tìm thấy MDMA (mẫu B2) trong gói nilong chứa 02 (hai) viên nén hình quả dâu, khối lượng 0,682 gam.

+ Tìm thấy Ketamine (mẫu B3) trong gói nilong chứa tinh thể rắn màu trắng, khối lượng 1,412 gam.

Qua điều tra xác định:

Nguồn gốc số ma túy trên Nguyễn Vũ T mua của Lê Đại H tại Quảng Trị. Từ tháng 02 năm 2021, T đã mua của H 03 (ba) lần ma túy cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 02/2021, Nguyễn Vũ T mua của Lê Đại H 01(một) kg ma túy đá giá 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), sau đó T1 chở T đem vào D, Quảng Nam bán cho một đối tượng tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Thu lợi bất chính số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Lần thứ hai: Ngày 12/03/2021, Nguyễn Vũ T đã mua của Lê Đại H 02 (hai) kg ma túy đá giá 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), T chuyển trước cho H 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó T bảo Trần Văn T1 đang ở V, Quảng Trị vào TP Đ, Quảng Trị nhận ma túy. Khi đến nơi T1 nghi có Bộ đội Biên phòng theo dõi nên không nhận được số ma túy trên. Trong cả hai lần này Nguyễn Thị Trà M (bạn gái của T) sống cùng T nên biết rõ hoạt động mua bán trái phép chất ma túy của T và T1.

Lần thứ ba: Ngày 27/3/2021, Nguyễn Vũ T, Trần Văn T1 và Nguyễn Thị Trà M do T1 điều khiển xe ô tô BKS: 43A- 409.66 về Thị trấn K, L, Quảng Bình với mục đích dự tiệc đầy tháng cháu của Nguyễn Thị Trà M. Khi đến nơi, T và T1 vào khách sạn N (L, Quảng Bình) nghỉ ngơi, còn M về nhà tại Thị trấn K, L, Quảng Bình.

Tại khách sạn, khoảng 16h00 ngày 27/03/2021, T gọi điện cho Lê Đại H có số điện thoại 0702.334.519, 0868987898 đặt mua 02 (hai) kg ma túy đá, hai bên thống nhất giá 180 triệu đồng/01kg ma túy đá. Sau đó T sử dụng tài khoản Ngân hàng X Bank số 3080101684444 chuyển 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vào tài khoản số 040097438899 của Ngân hàng S mang tên Lê Đại H. Đến ngày 28/03/2021, T tiếp tục chuyển 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của Lê Đại H và nợ lại 10 triệu đồng sẽ thanh toán sau.

Lê Đại H hẹn T đến cầu D (huyện C, tỉnh Quảng Trị) để nhận ma túy. Khoảng 10h00 ngày 28/03/2021, T bảo Trần Văn T1 đi ô tô đến Quảng Trị để nhận ma túy, T1 nhận lời và đến điểm hẹn nhận 02 (hai) kg ma túy đá của một thanh niên không rõ lai lịch giao. Trong lúc T1 đi nhận ma túy thì T đến nhà M, tại đây H liên lạc cho T nhờ T chuyển một gói 200 viên ma túy hồng phiên cho Lê Ngọc H đang ở tại Đà Nẵng. M đang có mặt tại phòng nên nghe được nội dung trên.

Sau khi nhận ma túy xong, T1 chạy xe ô tô về khách sạn N. Khoảng 16h00 cùng ngày đến khách sạn, T1 đưa gói ma túy đó cho T. Sau đó, T cùng T1 mang số ma túy trên điều khiển xe ô tô từ khách sạn N về nhà Nguyễn Thị Trà M. Tại nhà M, khi thấy M xếp quần áo vào vali, chờ M ra ngoài, T giấu số ma túy trên vào vali của M và khóa lại. T sợ để vali trên xe ô tô về Đà Nẵng sẽ bị bắt nên nói với M trong vali có đồ quan trọng nên T nói gửi xe khách cho an toàn. T nói M đi gọi xe khách. M lấy giấy ghi tên “E Vũ ” và số điện thoại người nhận là 0907344443 (số của T). M biết bên trong vali ngoài số hồng phiên H gửi cho H còn có ma túy của T vì M đã từng biết việc T mua bán ma túy với H nhiều lần. Tuy nhiên, M không kiểm tra và không biết số lượng và loại ma túy cụ thể. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe ô tô chở M và T ra bến xe L, tỉnh Quảng Bình để M gửi chiếc vali chứa ma túy cho xe khách vận chuyển vào Đà Nẵng.

Khi M gửi vali xong, T1 điều khiển xe ô tô BKS: 43A-409.66 chở T và M về TP. Đà Nẵng. Đến khoảng 22h00 ngày 28/3/2021, cả ba vừa đi qua hầm H, nhà xe gọi điện cho T bảo T đến cây xăng đối diện Bến xe trung tâm Đà Nẵng để nhận vali. Khoảng 22h30 cùng ngày, T1 lái xe đưa T và M đến trước số nhà 203 đường T đậu xe (đối diện cây xăng bến xe trung tâm TP. Đà Nẵng). Lúc này, T1 và M ngồi trên xe, T đi bộ vào cây xăng H nơi xe khách dừng đỗ để lấy vali. Khi T cầm vali đi sang đường để lên xe ô tô nhưng chưa kịp đi qua đường thì bị Bộ

đội Biên phòng kiểm tra và phát hiện trong vali có ma túy và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Ngoài ra lực lượng chức năng còn thu giữ số ma túy trong xe của Nguyễn Vũ T, đây là ma túy T mua trước đó để sử dụng sinh nhật, chưa sử dụng hết.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 04/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng quyết định:

I. Về tội danh:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Vũ T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Thị Trà M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 40 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ T “Tử hình” về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1. Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điều 55 BLHS và khoản 4 Điều 329 BLTTHS. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Vũ T phải chấp hành hình phạt chung là: “Tử hình”

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Vũ T để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07(bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Vũ T có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

2.2. Căn cứ: Điểm b khoản 4, Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T1 tù “Chung Thân”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/3/2021.

2.3. Căn cứ: Điểm b khoản 4, Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Trà M: 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/3/2021.

III. Về Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Vũ T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo Trần Văn T1 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và bị cáo Nguyễn Thị Trà M 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Bản án còn quyết định xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định các bị cáo có đơn kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư và Viện kiểm sát, HĐXX nhận định như sau:

Về tố tụng: Tại phiên toà luật sư bào chữa cho bị cáo T1 và M có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo đồng ý việc vắng mặt của Luật sư; Đây là phiên toà lần thứ 2 được mở; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Luật sư theo quy định.

[1] Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội Nguyễn Vũ T biết Lê Đại H (hiện đang bị truy nã) bán ma túy, vì vậy, để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, T thuê xe và thuê bị cáo T1 làm tài xế giúp sức cho bị cáo trong việc đi vận chuyển giao nhận ma túy từ người bán, người mua theo yêu cầu của T. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 cho đến ngày bị bắt quả tang 28/3/2021 Nguyễn Vũ T đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lê Đại H tại Quảng Trị mang vào Đà Nẵng bán lại cho các đối tượng nghiện khi có nhu cầu nhằm mục đích kiếm lời cụ thể:

Lần 1 mua 01 kg ma túy đá giá 190.000.000đ, số ma túy này bị cáo T1 mang vào Xuy Duyên, Quảng Nam bán cho đối tượng tên M (không rõ lai lịch), thu lợi bất chính 70.000.000đ; Lần 2 ngày 13/2/2021 mua tiếp của H 02 kg ma túy đá giá 360.000.000đ, tuy nhiên, lần mua này bị cáo T1 có nghi ngờ bị theo dõi nên không nhận ma túy từ người bán ở Quảng Trị để mang vào Đà Nẵng cho T, nên việc giao dịch không thành; Lần thứ 3 ngày 28/3/2021, nhân dịp ra Quảng Bình dự đám đầy tháng cháu của bị cáo M, tại đây T điện thoại hỏi mua của Lê Đại H 02 kg ma túy đá với giá 360.000.000đ, H hẹn địa điểm giao nhận ma túy là Cầu D (C, Quảng Trị), vì vậy, để nhận số ma túy trên, T yêu cầu T1 sử dụng xe ô

ô tô BKS số: 43A-409.66 chạy từ L, Quảng Bình vào C Quảng trị nhận 02 gói ma túy đá và 200 viên Hồng Phấn được gói trong một bọc ni lông, sau khi nhận số ma túy nói trên, T1 mang về giao cho T, sau đó T đem toàn bộ số ma túy trên bỏ vào trong valy của M. M biết rất rõ bên trong valy của mình có chứa ma túy nhưng với mục đích giúp T trong việc tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, theo đề nghị của T bị cáo tự lấy giấy ghi tên “E Vũ” và số điện thoại người nhận là bị cáo T. Sau đó cùng với bị cáo T1 mang valy (bên trong có ma túy) gọi xe khách vận chuyển vào Đà Nẵng để T bán lại cho các đối tượng khác. Đến 22 giờ 30 cùng ngày khi xe khách vận chuyển và ly (bên trong có ma túy) đến tại khu vực cây xăng H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, nhà xe điện thoại theo số điện thoại do M đã ghi để T nhận valy, sau khi nhận được điện thoại của nhà xe, T1 lái xe chở T và M đến điểm hẹn, tuy nhiên khi T đang nhận valy (bên trong có ma túy) thì bị lực lượng Đoàn Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Miền T1, Bộ đội Biên phòng bắt quả tang, thu giữ tang vật chứng. Ngoài việc thu giữ số tang vật có trong valy là ma túy, cơ quan chức năng khi khám xét trên xe ô tô BKS số 43A- 409.66 thu giữ một số khối lượng ma túy mà T mua trước đó để nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Tại bản kết luận giám định số: 94/GĐ-MT ngày 01/4/2021 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy 03 loại Ma túy (Methamphetamine, MDMA, Ketamin); Trong đó (các mẫu A1, A2, B1) giữ giám định tìm thấy: Methamphetamine có khối lượng **A.1 = 1.922, 93g**; A2 = 21,223gam; B1= 0,315 gam; tìm thấy MDMA mẫu B2 có khối lượng 0,682 gam và tìm thấy Ketamin mẫu B3 có khối lượng 1,412 gam.

Với những hành vi nêu trên các bị cáo T, T1 và M bị toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo T còn bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy;

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo T, T1 và M bất chấp sự trừng trị của pháp luật lén lút thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng rất lớn 1.944,153 gam loại Methamphetamine, và T còn tàng trữ 2,409 gam ma túy (gồm MDMA, ketamin, Methamphetamine) sử dụng cho bản thân.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết tăng nặng mà bị cáo phải chịu. Bản án sơ thẩm cũng đã phân hoá vai trò của từng bị cáo, trong đó bị cáo Nguyễn Vũ T là người có vai trò chính trong vụ án bởi lẽ: Toàn bộ khối

lượng ma túy 1.944,153 gam loại Methamphetamine là của bị cáo mua của đối tượng H (đã bỏ trốn) từ Quảng Trị để đưa vào Đà Nẵng bán lại cho các đối tượng nghiện khác nhằm mục đích kiếm lời; Ngoài ra trước đó bị cáo cũng đã nhiều lần (hai lần) mua bán ma túy với khối lượng lớn thu lợi bất chính 70.000.000đ. Mặc khác, ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng lớn, bị cáo còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là con nghiện. Như vậy, trong vụ án này cùng một lúc bị cáo T phạm 02 tội, đặc biệt nghiêm trọng và nghiêm trọng, đối với tội đặc biệt nghiêm trọng về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 251 BLHS có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, trong đó bị cáo phạm tội nhiều lần “Từ hai lần trở lên” là tình tăng nặng TNHS quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo, hơn thế nữa về nhân thân bị cáo trước đây đã bị xét xử về tội “mua bán trái phép chất ma túy”

Mặc dù bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Bản án sơ thẩm đã áp dụng, tuy nhiên đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo ở mức hình phạt cao nhất “Tử hình” là thỏa đáng, mới đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Đối với bị cáo Trần Văn T1: Là đồng phạm với vai trò giúp sức rất tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội cùng với T cụ thể: Bị cáo là người vừa vận chuyển, vừa đi giao nhận ma túy từ người mua, người bán theo sự chỉ đạo của bị cáo T nhiều lần (từ 02 lần trở lên) với khối lượng ma túy rất lớn, nhằm được hưởng lợi từ việc T trả tiền lương mỗi tháng 7.000.000đ/tháng, đồng thời được T cho sử dụng ma túy và ăn nhậu; Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là không nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà M: Là người yêu của T, biết T là đối tượng mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần trước đó. Vì vậy, khi nghe T nói trong va ly của bị cáo có hàng quan trọng, bị cáo nhận biết ngay đó là ma túy do T cất giấu trong va ly của mình một khối lượng ma túy rất lớn. Bị cáo giúp sức cho T trong việc mang va ly (bên trong có chứa ma túy) đi gửi xe khách để vận chuyển vào Đà Nẵng, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 18 năm tù là phù hợp với vai trò của bị cáo trong vụ án.

Từ những viện dẫn nêu trên, xét thấy tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới và quan trọng để áp dụng cho các bị cáo được hưởng; do vậy đơn kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSPT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Vũ T, Trần Văn T1, Nguyễn Thị Trà M. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HS-ST ngày 04/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

I. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Vũ T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Thị Trà M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 40 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ T “**Tử hình**” về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điều 55 BLHS và khoản 4 Điều 329 BLTTHS. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Vũ T phải chấp hành hình phạt chung là “**Tử hình**”

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Vũ T để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07(bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Vũ T có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình.

2.2. Căn cứ: Điểm b khoản 4, Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 39 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T1 tù “**Chung Thân**”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/3/2021.

2.3. Căn cứ: Điểm b khoản 4, Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Trà M **18 (mười tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/3/2021.

III. Về Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Phạt tiền: Bị cáo Nguyễn Vũ T: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo Trần Văn T1 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và bị cáo Nguyễn Thị Trà M 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

IV. Về án phí: Nguyễn Vũ T, Trần Văn T1, Nguyễn Thị Trà M; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS – Ca. Tp. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành